TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Tỉnh Thanh Hóa	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:60/2023/HNGĐ-ST

Ngày 27/4/2023.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thư.

Ông Trịnh Tiến Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Chuyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 19/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/03/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐTS-HNGĐ ngày 12/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1999. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Y, xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Cao Văn D, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2023, bản tự khai ngày 20/02/2023 và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn chị Trần Thị L thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Cao Văn D kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện H cấp năm 2018. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị nhắn tin tâm sự với bạn, anh D cho rằng chị cặp bồ nên đã xúc

phạm đến danh dự và nhân phẩm của chị, dẫn đến việc nhiều lần anh D đánh đập chị nên chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở từ đầu năm 2023 đến nay, từ đó đến nay vợ chồng không ai quan tâm đến nhau, tình cảm thực sự giữa chị với anh D không còn, không có khả năng hàn gắn được nữa, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con: Chị và anh Cao Văn D có 01 con chung là Cao Duy P, sinh ngày 19/9/2018; từ khi chị và anh D sống ly thân chị đem con về nhà bố mẹ đẻ ở đến nay. Nguyện vọng của chị là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, do chị đang làm công nhân nên thu nhập ổn định hàng tháng từ 5.500.000 đồng đến 6.000.000 đồng đảm bảo cuộc sống của con, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 20/02/2023, quá trình giải quyết vụ án của bị đơn anh Cao Văn D thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị L đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện H cấp năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng xảy ra nghi ngờ lẫn nhau, tình cảm rạn nứt, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thường xuyên nên từ tết âm lịch năm 2023 đến nay chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Trong thời gian đó anh vẫn bỏ qua lỗi lầm của chị L để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị L vẫn không quay trở về đoàn tụ mà làm đơn xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn được nữa nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con: Anh và chị L có 01 con chung là Cao Duy P, sinh ngày 19/9/2018; nguyện vọng của anh là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh tại thôn Quang S và UBND xã Q ngày 31/3/2023 thể hiện: Chị L và anh D kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ tháng 02/2023, gia đình chị L đến báo cáo trưởng thôn về việc anh D đánh đập chị L, nhưng khi thôn xuống tổ chức hòa giải thì không có sự việc xảy ra và cũng từ đó chị L về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay; chị L và anh D có một con chung hiện nay đang ở với chị L. Nay chị L xin ly hôn Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Cao Văn D.

Về con: Giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Cao Duy P, sinh ngày 19/9/2018, anh Cao Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị L và anh D không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị L khởi kiện về việc ly hôn anh Cao Văn D hiện nay cư trú tại xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Hậu Lộc.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Cao Văn D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Q, huyện H cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2018, như vậy hôn nhân giữa chị L và anh D là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh D: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc và sinh được một con chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh D nghi ngờ chị L ngoại tình dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng, nhiều lần anh D đánh đập chị nên chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở từ đầu năm 2023 đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người mỗi nơi không ai quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị được ly hôn anh D. Quá trình hòa giải anh D cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và hai bên đã thuận tình ly hôn và sự thuận tình đó là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận sự thuận tình của hai bên về việc ly hôn.

[3] Về con*:* Chị Trần Thị L và anh Cao Văn D có 01 con chung là Cao Duy P, sinh ngày 19/9/2018. Quá trình giải quyết vụ án cả chị L và anh D đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của hai bên là chính đáng; tuy nhiên hiện nay cháu P đang ở với chị L và do cháu đang còn nhỏ tuổi, tránh sự xóa trộn cuộc sống hiện nay của cháu; mặt khác chị L làm công nhân thu nhập ổn định hàng tháng từ 5.500.000 đồng, anh D nghề nghiệp không ổn định, Tòa án yêu cầu anh chứng minh thu nhập hàng tháng nhưng anh không cung cấp cho Tòa án, nên thực tế hiện nay chị L có khả năng đảm bảo cuộc sống cho cháu P hơn anh D; do đó giao cháu P cho chị L trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị Trần Thị L và anh Cao Văn D đều xác định vợ chồng không có số tài sản, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tố tụng: Anh Cao Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do; do đó Tòa án xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[7] Về án phí: Buộc chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; 55; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Cao Văn D.

Về con: Chị Trần Thị L và anh Cao Văn D có 01 con chung là Cao Duy P, sinh ngày 19/9/2018. Giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Cao Duy P; anh Cao Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị L và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở. Chị Trần Thị L không yêu cầu anh Cao Văn D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị L và anh D không yêu cầu giải quyết.

Án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/0005188 ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc. (Chị L đã thi hành xong).

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn **c**hị Trần Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Cao Văn D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hoá;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện Hậu Lộc*
- *Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;*
- *UBND xã Q;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Cao Thị Nga